

Số 27 /BC-TrTH

Thanh An, ngày 29 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2025 – 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học Noong Het (Noong Het Primary School)

2. Địa chỉ trụ sở chính:

UBND xã Thanh An - Tỉnh Điện Biên.

Điện thoại:

Hiệu trưởng: 0903.426.119

Phó hiệu trưởng: 0984.126.892

Địa chỉ thư điện tử: tieuhocnh@gmail.com

Trang thông tin điện tử: <http://thnoonghet.huyendienbien.edu.vn>

Trang Fanpage: <http://edu.viettel.vn/dbn-dienbien-thnoonghet>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

- Tên cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Thanh An, tỉnh Điện Biên

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Sứ mạng: Trường Tiểu học Noong Het cam kết tạo dựng một môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện và sáng tạo, giúp mỗi học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất và thẩm mỹ. Chúng tôi khuyến khích sự tự tin, tự lập, và khả năng học tập suốt đời của mỗi em, nhằm xây dựng nền tảng vững chắc cho tương lai.

Tầm nhìn: Xây dựng và phát triển để phấn đấu trở thành một trong những trường tiểu học tiêu biểu của xã Thanh An, tỉnh Điện Biên, là nơi mà mỗi học sinh đều được quan tâm, phát huy tối đa tiềm năng của mình. Chúng tôi hướng đến việc phát triển một thể hệ học sinh không chỉ giỏi về kiến thức mà còn có kỹ năng sống, tinh thần trách nhiệm và tình yêu quê hương, đất nước.

Mục tiêu:

(1). **Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập:** Đảm bảo rằng học sinh nắm vững kiến thức cơ bản trong các môn học chính khóa, đặc biệt là Toán, Tiếng Việt và các môn khoa học. Khuyến khích học sinh phát triển kỹ năng tư duy logic, sáng tạo, và giải quyết vấn đề.

(2). **Phát triển toàn diện cho học sinh:** Không chỉ chú trọng đến học tập, nhà trường còn đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục đạo đức, thể chất, thẩm mỹ và kỹ năng

sống và đặc biệt là GD khung năm lực số, công dân số và triển khai thực hiện thí điểm nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh.

(3). **Tạo dựng môi trường học tập thân thiện và an toàn:** Xây dựng một môi trường học đường lành mạnh, thân thiện, không có bạo lực học đường. Đảm bảo mỗi học sinh đều cảm thấy an toàn và được tôn trọng.

(4). **Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy:** Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin AI, Chat gpt, Canva...trong quá trình giảng dạy và học, giúp GV và học sinh tiếp cận với những phương pháp dạy và học hiện đại.

(5). **Phát triển đội ngũ giáo viên:** Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn cao, có đạo đức nghề nghiệp, và có khả năng ứng dụng công nghệ mới trong giảng dạy.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học xã Noong Hẹt được thành lập ngày 12 tháng 7 năm 2001 theo Quyết định số 1028/QĐ-UB của UBND huyện Điện Biên. Trường được thành lập trên cơ sở chia tách các bậc học từ trường Phổ thông cơ sở Noong Hẹt.

Căn cứ Nghị quyết số 1661/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính. Từ ngày 01/7/2025, thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo tổ chức chính quyền hai cấp, các xã Noong Hẹt, Sam Mứn và Thanh An cũ được sáp nhập thành một đơn vị hành chính mới mang tên xã Thanh An. Trụ sở xã Thanh An đặt tại địa điểm trụ sở cũ của xã Noong Hẹt (cũ).

Theo đó, Trường Tiểu học xã Noong Hẹt được đổi tên thành Trường Tiểu học Noong Hẹt theo Quyết định số: 4597/UBND-NC ngày 28/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên và Quyết định số: 204/QĐ-UBND, ngày 28/8/2025 của UBND xã Thanh An về việc tổ chức thực hiện đổi tên gọi các đơn vị trường học cấp Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn xã Thanh An và sắp xếp các cơ sở giáo dục trực thuộc UBND cấp xã.

Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2003, công nhận mức độ 2 năm 2017; Ngày 15 tháng 02 năm 2022 trường thẩm định lại và được UBND Tỉnh công nhận Trường tiểu học duy trì kiểm định chất lượng cấp độ 3, đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2. theo QĐ số: 318/QĐ-UBND tỉnh. Thư viện trường học tiên tiến theo QĐ số: 83/QĐ-SGDĐT ngày 07/02/2022. Nhà trường luôn giữ vững và nâng cao các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao.

Trường có bề dày về thành tích dạy và học cũng như các hoạt động giáo dục khác. Trong những năm qua, nhà trường đã khẳng định được vị thế của mình trong hoạt động giáo dục chung của các trường trong xã, là địa chỉ đáng tin cậy về chất lượng giáo dục. Đã có nhiều thầy cô đạt giải cao trong các hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, cấp huyện; Cán bộ quản lý được đánh giá có nghiệp vụ quản lý vững vàng. Chất lượng học sinh có sự chuyển biến rõ nét qua từng năm học. Trường luôn là trường có chất lượng đứng trong tốp đầu của xã, được các cấp đánh giá cao và ghi nhận.

Hệ thống cơ sở vật chất của nhà trường đáp ứng khá đầy đủ các yêu cầu dạy và học trong giai đoạn mới. Trường có khuôn viên, khu nhà vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch, sân chơi, bãi tập của trường đáp ứng yêu cầu của hoạt động giáo dục.

Thư viện trường rộng, trang trí đẹp, khoa học, có đầy đủ sách, báo, tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV, NV và HS. Thư viện nhà trường được công nhận thư viện đạt chuẩn mức độ 2. Trường có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học và sử dụng đồ dùng dạy học hiệu quả.

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học, Ngoại ngữ;

Thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua: Việc “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

Trường Tiểu học Noong Hẹt thường xuyên quan tâm đến công tác nâng cao chất lượng đội ngũ. Cán bộ quản lý và giáo viên, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đổi mới phương pháp quản lý và dạy học, đổi mới việc kiểm tra, đánh giá học sinh. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giờ dạy. Thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giảng dạy, các hoạt động ngoài giờ, hoạt động trải nghiệm, làm tốt công tác truyền thông, các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

Trường Tiểu học Noong Hẹt tự đánh giá chất lượng nhà trường nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục để cha mẹ học sinh yên tâm khi cho con em mình đến học tại trường. Qua tự đánh giá chất lượng nhà trường nắm bắt được mức độ uy tín của nhà trường với cha mẹ học sinh, với địa phương, với nhân dân, với ngành GD&ĐT. Từ đó biết rõ thực trạng của nhà trường để có những giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục.

Công tác phổ cập giáo dục luôn được nhà trường quan tâm và phối hợp nhịp nhàng với các trường trên địa bàn, toàn xã đạt chuẩn Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

Thời gian qua được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, của phòng VH xã, cùng với sự nỗ lực quyết tâm phấn đấu của đội ngũ cán bộ, giáo viên và các thế hệ học sinh. Chi bộ nhà trường đạt Chi bộ “Trong sạch vững mạnh, Hoàn thành Tốt nhiệm vụ” được Đảng ủy xã tặng giấy khen nhiều năm. Liên đội trường được công nhận Liên đội vững mạnh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Mạc Thị Phương Hảo

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Noong Hẹt

Số điện thoại: 0903.426.119

Địa chỉ thư điện tử: machao1978@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

Quyết định thành lập trường: Trường “Tiểu học xã Noong Hẹt” được đổi tên thành trường “Tiểu học Noong Hẹt” theo Quyết định số: 4597/UBND-NC ngày 28/8/2025

của UBND tỉnh Điện Biên và Quyết định số: 204/QĐ-UBND, ngày 28/8/2025 của UBND xã Thanh An, về việc tổ chức thực hiện đổi tên gọi các đơn vị trường học cấp Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn xã Thanh An và sắp xếp các cơ sở giáo dục trực thuộc UBND cấp xã.

* Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 250 /QĐ-UBND ngày 05/9 /2025 của UBND xã Thanh An Về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng: Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 05/9/2025 của UBND xã Thanh An Về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Noong Hẹt.

a. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CSGD: Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật. Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương. Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 21 đảng viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.
- + Tập thể CBGV, NV gồm 27/29đc (so với báo cáo kỳ trước giảm 02 đc giáo viên). Lý do 02đc GV văn hoá về nghỉ chế độ.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
 - + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
 - + Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh có 387 đội viên và nhi đồng
 - + Ban đại diện CMHS.
 - + Các tổ chuyên môn: 3 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

c. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Mạc Thị Phương Hảo	Hiệu trưởng	0903.426.119	machao1978@gmail.com
2	Trần Thị Phú	Phó hiệu trưởng	0984 126 892	phutranthi1978@gmail.com

1. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường.
- Quy chế dân chủ.
- Các quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự.
- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
- Kế hoạch, thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục: Không
- Các quy chế khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Về số lượng, trình độ đào tạo

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Ghi chú
				Th. sĩ	ĐH	CĐ	TC	Khác	
Hiệu trưởng	1	1		1					
Phó hiệu trưởng	1	1		1					
Giáo viên	22	21	5		22				
Nhân viên	3	1			1			2	
Cộng	27	24	5	2	23			2	So với đầu năm giảm 02đc về nghỉ chế độ

1. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo:
 Tổng số 27 CBQL, GV, NV, trong đó:

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người	Ghi chú
Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý			
1	Hiệu trưởng	01	
2	Hiệu phó	01	
Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			
1	Giáo viên TH hạng II	12	
2	Giáo viên TH hạng III	10	
3	Giáo viên TH hạng IV	0	
Vị trí việc làm gắn với chức danh công việc hỗ trợ, phục vụ			
1	Vị trí việc làm Thiết bị	0	
2	Vị trí việc làm Y tế trường học	0	
3	Vị trí việc làm Kế toán	1	
Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ			
1	Nhân viên bảo vệ	1	
2	Nhân viên phục vụ	1	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định. 100% CBQL, giáo viên đạt chuẩn.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

Cán bộ QL, giáo viên 100% thực hiện tốt công tác bồi dưỡng hằng năm

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường

- Tổng diện tích của nhà trường là 4.453,4m², trung bình 10,1m²/học sinh; Diện tích đảm bảo theo quy định (quy định tối thiểu 10m²/học sinh).

- Diện tích xây dựng 3.800m².

2. Khối phòng học tập, phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính và sân chơi, bãi tập ...

2.1. Khối phòng học tập

- Phòng học: Có 14 phòng học, đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp

- Phòng học bộ môn: Tổng số phòng học bộ môn: 05 phòng (gồm: 01 phòng Ngoại ngữ; 01 phòng Tin học; 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Mĩ thuật, 01 phòng đa chức năng).

2.2. Khối phòng hỗ trợ học tập

Tổng số phòng hỗ trợ học tập: 05 phòng, trong đó: 01 phòng thư viện; 01 phòng thiết bị; 01 phòng đọc, 01 phòng Tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập. 01 phòng truyền thống và hoạt động đội.

2.3. Khối phụ trợ

- Có 01 phòng Y tế trường học, 02 Nhà kho.
- Khu để xe học sinh: 01 khu.
- Khu vệ sinh học sinh: 01 khu.

2.4. Khối phòng hành chính quản trị

- Tổng số phòng hành chính: 04 phòng, trong đó: 01 Phòng hiệu trưởng, 01 Phó hiệu trưởng; 01 văn phòng. 01 phòng bảo vệ.
- Có 01 khu vệ sinh riêng cho giáo viên, cán bộ, nhân viên được bố trí nam, nữ riêng biệt.
- Có 01 khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên.

2.5. Khu sân chơi, thể dục thể thao

Trường có sân chơi, sân tập cho học sinh tham gia các hoạt động vui chơi, thể dục, thể thao.

2.6. Hạ tầng kỹ thuật

- Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;
- Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường;
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;
- Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;
- Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng.

3. Thiết bị dạy học hiện có

- Thiết bị dạy học được trang bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Số máy chiếu và ti vi thông minh được dùng để sử dụng trong dạy học cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học (21 máy chiếu; 12 màn hình thông minh; 07 máy vi vật thể...)
- Ngoài ra nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên tham gia làm đồ dùng dạy học và khen thưởng động viên những giáo viên có đồ dùng đạt chất lượng phát huy tối đa việc sử dụng vào giảng dạy. Ban giám hiệu và tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy.
- Hằng năm có kế hoạch tu sửa thiết bị, đồ dùng dạy học. Thường xuyên tham mưu với Ban lãnh đạo UBND xã đề xuất, kiến nghị kịp thời, xin cấp bổ sung thiết bị đồ dùng dạy học đảm bảo cho hoạt động dạy và học
- Các phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ bàn, ghế, tủ, giá, kệ, hệ thống điện, nước, hệ thống quạt, thông gió, các thiết bị hỗ trợ khác và thiết bị dạy học, học liệu theo tính chất đặc thù của từng bộ môn.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong năm học

*** Các lớp 1, 2, 3, 4, 5 thực hiện theo Chương trình GDPT 2018:**

- Quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Nhà trường có đầy đủ sách báo, tài liệu tham khảo. Nhà trường đã có “tủ sách giáo khoa dùng chung” để phục vụ số học sinh không đủ điều kiện mua sách, đảm bảo cho mỗi học sinh có 01 bộ sách giáo khoa học tập bằng hình thức mua.

- Sách Pháp luật gồm: có 135 quyển, phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, tra cứu, tìm hiểu các thông tin về chính sách, pháp luật góp phần nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của CB, GV, NV và học sinh trong nhà trường. Đây là một trong những công cụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả và thiết thực.

- Sách bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho giáo viên tìm hiểu, nghiên cứu các phương pháp dạy học tối ưu đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Tài liệu hướng dẫn giáo viên dùng để phục vụ cho công tác nghiên cứu, học tập, đổi mới phương pháp, nâng cao kiến thức giảng dạy đáp ứng nhu cầu dạy và học của nhà trường: 850 quyển.

- Thư viện có hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và học sinh.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

- Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

*** Kết quả tự đánh giá**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	-
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	-
Tiêu chí 1.8		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-

Tiêu chí 1.10		x	x	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	-
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	-
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Năm 2022 nhà trường được UBND tỉnh Quyết định công nhận đạt kiểm định mức độ 2 và trường đạt chuẩn mức độ 2.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026

1. Số lớp, số học sinh

Khối lớp	KH giao		Thực hiện				Tăng giảm so với 2024 - 2025	
	SL	Số HS	SL	Số HS	DT	KT	SL	Số HS
Khối 1	2	70	3	85	27	0	Tăng 01	Tăng 15
Khối 2	2	58	2	59	26	0	0	Tăng 01
Khối 3	3	82	3	85	35	0	0	Tăng 03
Khối 4	3	72	3	73	26	1	0	Tăng 01
Khối 5	3	82	3	85	34	1	0	Tăng 03
Tổng	14	364	14	387	148	2	Tăng 01	Tăng 23

Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường năm học 2025 – 2026 so với kế hoạch được giao tăng 23 học sinh đảm bảo và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch, các em đi học chuyên cần, có ý thức tham gia học tập, lao động và rèn luyện tốt. Có 387/387 HS được học 2 buổi/ngày đạt 100%. Toàn trường có 02 học sinh khuyết tật học hòa nhập.

* Công tác tuyển sinh lớp 1 đầu năm học 2025-2026

- Huy động tổng số trẻ 6 tuổi trên địa bàn ra lớp: 85/70 em, đạt vượt mức chỉ tiêu được giao.

2. Chất lượng giáo dục

a) Đánh giá theo năng lực, phẩm chất:

TS HS	Mức ĐG	Năng lực cốt lõi										Phẩm chất chủ yếu				
		Năng lực chung			Năng lực đặc thù											
		Tự chủ và tự học	Giao tiếp và hợp tác	GQVĐ và sáng tạo	Ngôn Ngữ	Tính toán	Khoa học	Công nghệ	Tin học	Thẩm mĩ	Thể chất	Yêu nước	Nhân ái	Chăm chỉ	Trung thực	Trách nhiệm
387	T	277	289	273	277	272	279	171	169	283	282	378	376	296	321	306
	Đ	102	97	106	105	108	106	71	73	104	104	9	11	89	66	81
	CCG	8	1	8	5	7	2	1	1	0	1	0	0	2	0	0

b) Chất lượng hai môn Toán, Tiếng Việt:

TT	TS HS	TOÁN						TIẾNG VIỆT						KT
		HTT		HT		CHT		HTT		HT		CHT		
		SL	%	SL	%	SL	TL	SL	%	SL	%	SL	%	
1	85	66	77,7	19	22,3	0		62	72,9	21	24,7	2	2,4	
2	59	34	57,6	24	40,7	1	1,7	39	66,1	18	30,5	2	3,4	
3	85	64	75,3	20	23,5	1	1,2	62	72,9	22	25,9	1	1,2	
4	73	49	67,1	20	27,4	4	5,5	51	69,9	19	26,0	3	4,1	1
5	85	55	64,7	28	32,9	2	2,4	52	61,2	33	38,8	0	0	1
TS	387	268	69,3	111	28,6	8	2,1	266	68,7	113	29,2	8	2,1	

* Chất lượng môn Tiếng Anh.

TS HS	Tiếng Anh (bắt buộc)						KT
	HTT		HT		CHT		
	SL	%	SL	%	SL	TL	
243	174	71,7	68	27,9	1	0,4	2KT

- Chất lượng giáo dục toàn diện HS HKI đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch.

*** Kết quả cuộc thi học sinh năng khiếu các cấp:**

Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu được nhà trường đặc biệt quan tâm. Ngay từ đầu năm học, trường đã có kế hoạch lựa chọn đội ngũ GV có chuyên môn vững vàng, lập Kế hoạch bồi dưỡng các môn: Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh cho học sinh mỗi khối lớp. Tiến hành tổ chức thi tuyển chọn qua cấp trường, thành lập đội tuyển học sinh tham gia thi các cấp. Thường xuyên điều chỉnh nội dung và phương pháp bồi dưỡng.

Chất lượng các cuộc thi ngày càng tăng về số lượng và chất lượng.

Học kỳ I- Năm học 2025 – 2026:

STT	Toán trên Internet	Trạng Nguyên Tiếng Việt	Thi IOE
Khối 1	22	11	
Khối 2	13	8	
Khối 3	22	18	15
Khối 4	20	16	10
Khối 5	14	22	10
Tổng số	91	75	35

* Thể thao GV và HS đều đạt giải cao (01 giải Nhì môn Pickleball; 01 giải Ba kéo co; 01 giải Ba môn cầu lông; 01 giải Ba môn ném còn; 01 giải Ba bóng chuyền hơi trong ĐH TDTT cấp xã). HS thi kể chuyện theo sách đạt Giải Ba.

Qua mỗi kỳ thi tập thể giáo viên và học sinh nhà trường luôn dành kết quả cao được các cấp tặng giấy khen và là trường đứng trong top đầu về chất lượng các cuộc thi cũng như chất lượng giáo dục.

Lãnh đạo tập thể CBGV xây dựng nhà trường có đời sống văn hoá tốt, trường Xanh - Sạch Đẹp; Thực hiện tốt phong trào Xây dựng *Trường học thân thiện - Học sinh tích cực* xếp loại Xuất sắc cấp huyện. Trường được công nhận “*Trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích*”.

*** Phong trào giữ vở sạch, viết chữ đẹp.**

Trong những năm học qua, nhà trường thường xuyên cho các em đi tham quan học hỏi để trao đổi giữa học sinh các nhà trường có phong trào viết chữ đẹp tốt hơn để các em học tập. Tổ chức cho GV có kinh nghiệm rèn viết chữ đẹp trao đổi kinh nghiệm cho GV trong trường.

Hàng tháng tổ chức chấm và xếp loại giữ vở sạch viết chữ đẹp của HS các lớp. Kịp thời động viên khen thưởng những lớp, những cá nhân có nhiều thành tích trong phong trào giữ vở sạch, viết chữ đẹp. Hàng năm có 90% số lớp đạt lớp có phong trào giữ vở sạch, viết chữ đẹp. 85% học sinh của trường viết chữ rõ ràng, dễ xem và giữ gìn vở sạch đẹp.

Nhà trường tiếp tục phát huy các điểm mạnh, các quy định về chuyên môn của nhà trường, thường xuyên tổ chức các chuyên đề nâng cao chất lượng, tăng cường công tác dự giờ, đổi mới sinh hoạt chuyên môn tạo điều kiện giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn do ngành tổ chức giao lưu; nâng cao chất lượng các câu lạc bộ năng khiếu để các phong trào, hội thi đạt hiệu quả cao hơn. Bên cạnh đó, đơn vị chủ động, linh hoạt để thực hiện các biện pháp rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài: Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

- Hằng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính

của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kỳ tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ.

Cụ thể như sau:

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (Năm 2025)	Năm trước liền kề năm báo cáo (Năm 2024)
A	TỔNG THU	4.799.520.027	7.337.766.325
I	Thu ngân sách	4.799.520.027	7.337.766.325
1	Nguồn chi thường xuyên	3.954.420.907	6.512.325.405
2	Nguồn chi không thường xuyên	845.099.120	825.440.920
II	Thu giáo dục và đào tạo		
1	Học phí		
2	Thu khác		
IV	Thu khác		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	4.799.520.027	7.337.766.325
I	Chi lương, thu nhập	4.324.852.480	6.093.713.415
1	Chi lương, thu nhập của CBGVNV	4.266.854.798	6.053.639.415
2	Chi lương, thu nhập cho NLD	57.997.682	40.074.000
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	414.979.727	1.038.714.910
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	414.979.727	1.038.714.910
III	Chi hỗ trợ người học	59.688.000	205.338.000
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	59.688.000	205.338.000
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác		
C	CHÊNH LỆCH THU CHI (C= A-B)		

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

2.1. Học phí

2.2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ HĐCSGD khác, nguồn VĐTT

STT	Tên khoản thu	ĐVT	Mức thu	
			Năm báo cáo (Năm 2025)	Năm báo cáo (Năm 2024)
1	Dịch vụ dọn vệ sinh	Năm/học sinh	90.000	50.000
2	Nguồn VĐTT	Năm/học sinh	Tùy tâm	Tùy tâm

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (Năm 2025)	Năm trước liên kế năm báo cáo (Năm 2024)
1	Chính sách Hỗ trợ chi phí học tập theo ND 81/2021/ND-CP (ND238/2025/ND-CP)	52.200.000	169.050.000
	+ Tổng số học sinh được phê duyệt và chi trả chế độ:	87	131
	+ Định mức hỗ trợ (đồng/tháng)	150.000	150.000
	+ Tổng số tiền thực hiện chi trả:	52.200.000	169.050.000
2	Chính sách hỗ trợ học bổng học sinh khuyết tật theo TT 42/2013	7.488.000	36.288.000
	Tổng số học sinh được phê duyệt	01	04
	+ Tổng số tiền hỗ trợ (đồng/ tháng)		
	+ Tổng số tiền thực hiện chi trả:	7.488.000	36.288.000

2. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)

STT	Tên khoản thu	Số dư Năm báo cáo (Năm 2025)	Năm trước liên kế năm báo cáo (Năm 2024)
1	Dịch vụ dọn vệ sinh	34.440.000	28.350.000
2	Nguồn VĐTT	170.330.834	110.224.729
	Tổng cộng		

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

- Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của đơn vị trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Đảm bảo việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục Kết quả việc tổ chức xây dựng, triển khai KHGD, KHDH môn học, KHBD

- Đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của đơn vị trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

Căn cứ thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 Thông tư ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học cán bộ quản lý đã sâu sát trong việc triển khai, hướng dẫn giáo viên thực hiện kế hoạch bài dạy/môn/tiết có vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Giáo viên đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học nhằm phát triển năng lực học sinh, thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng HS, đồng thời từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của HS trên nguyên tắc: đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng và phù hợp điều kiện thực tế; rà soát, tinh giản những nội dung chưa phù hợp, trùng lặp giữa các môn học, giữa các khối lớp trong cấp học và các nội dung chưa thực sự cần thiết đối với HS tiểu học; sắp xếp, điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp với đối tượng HS; tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS; tạo điều kiện cho HS được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học; các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của HS. Học sinh nắm được chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học, hoạt động giáo dục. Đa số học sinh năng động, sáng tạo và có kỹ năng sống, phát triển các năng lực và phẩm chất cần thiết.

2. Công tác triển khai giáo dục STEM, chuyển đổi số, Học bạ số

2.1. Đối với giáo dục STEM

- Nâng cao nhận thức của CBQL, GV cha mẹ HS, HS về vai trò của giáo dục STEM nhằm tạo sự đồng thuận; huy động nguồn lực của cộng đồng triển khai thực hiện hiệu quả giáo dục STEM trong Chương trình GDPT.

- 100% CB, GV thực hiện tốt giáo dục STEM, làm tốt công tác chỉ đạo, GV

đã chủ động tích hợp nội dung giáo dục STEM vào kế hoạch giáo dục đảm bảo chất lượng và hiệu quả; tham dự các chuyên đề cấp cụm trường, cấp cụm, cấp huyện nhằm tăng cường trao đổi chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm trong tổ chức dạy học STEM, bước đầu đưa nội dung giáo dục vào các môn học cụ thể theo chủ đề từng khối/lớp đã tạo được sự yêu thích, say mê, kích thích sự tìm tòi, học hỏi và sáng tạo của học sinh. Kết quả: 100% lớp thực hiện.

2.2. Đối với việc triển khai chuyển đổi số, giáo dục kỹ năng công dân số, KNLS

- Nhà trường đã triển khai chuyển đổi số trong duyệt kế hoạch bài dạy, thực hiện hồ sơ chuyên môn và trao đổi thông tin liên quan công tác chuyên môn dạy và học.

- Tăng cường đầu tư CSVC, hạ tầng CNTT, thiết bị dạy học môn Tin học; bồi dưỡng GV Tin học nói riêng và GV tiểu học nói chung để sẵn sàng triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số, khung NLS vào giảng dạy đơn vị thông qua các hình thức: dạy học môn Tin học thực hiện Chương trình GDPT 2018; Tổ chức các câu lạc bộ giáo dục kỹ năng công dân số (CLB Tin học...)

2.3. Đối với việc triển khai Học bạ số

- 100% giáo viên đánh giá học sinh qua ứng dụng phần mềm, thực hiện học bạ số đối với khối lớp 1,2,3,4,5.

- Đảm bảo bảo mật thông tin học sinh, tuân thủ đúng quy trình nhập và cập nhật dữ liệu trên hệ thống Học bạ số.

3. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

- Thực hiện các buổi diễn tập phòng cháy chữa cháy, kỹ năng thoát hiểm, và ứng phó với các tình huống khẩn cấp để nâng cao nhận thức và kỹ năng của học sinh.

- Phối hợp với phụ huynh và cơ quan chức năng để xây dựng một môi trường học tập an toàn và lành mạnh cho học sinh.

- Tăng cường giám sát an ninh trong khuôn viên trường học, lắp đặt hệ thống camera và phân công nhân viên bảo vệ thường trực.

- Cải thiện cơ sở vật chất như hệ thống điện, nước, và các lối thoát hiểm, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn.

- Tổ chức các chương trình giáo dục về an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích, và các biện pháp bảo vệ bản thân.

4. Về các phong trào hoạt động

- Chi Đội và giáo viên các khối phối hợp tổ chức tốt các giờ sinh hoạt tập thể, phát thanh măng non; tuyên truyền sâu về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Tổ chức SHTT với chủ đề “An toàn giao thông”

- Tham gia vẽ tranh, làm báo chủ đề “Biết ơn thầy cô giáo”.

- Khuyến khích HS viết về “Gương bạn tốt” trong lớp, trường.

- Duy trì các hoạt động giáo dục ý thức, kỹ năng sống cho học sinh đặc biệt là kỹ năng phòng chống dịch bệnh.

- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện nội quy của học sinh.
- Thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện, phong trào ủng hộ. Nhà trường tổ chức Trung thu, tặng quà HS HCKK của trường các ngày Lễ, Tết.
- Tổ chức hoạt động trải nghiệm đảm bảo an toàn, đạt hiệu quả tốt.

5. Công tác xã hội hóa

- Phụ huynh các lớp tích cực tham gia lao động xây dựng cơ sở vật chất.
- Phụ huynh luôn phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác phối kết hợp giáo dục học sinh.
- Các mạnh thường quân, các nhà tài trợ ủng hộ giúp đỡ nhà trường ước tính trị giá 170.330.834.

6. Công tác chăm sóc sức khỏe học sinh

- Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh trong việc theo dõi và quản lý sức khỏe của học sinh, đảm bảo các em có môi trường học tập an toàn và lành mạnh.
- Tổ chức các buổi tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh, tai nạn thương tích, và các biện pháp an toàn trong trường học.
- Tăng cường công tác kiểm tra sức khỏe định kỳ cho học sinh, đảm bảo phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề sức khỏe.
- Xây dựng chương trình giáo dục dinh dưỡng và vệ sinh cá nhân, giúp học sinh hiểu rõ tầm quan trọng của việc chăm sóc sức khỏe.

7. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Chi bộ trường có 21 đảng viên, các đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Tạo môi trường làm việc động lực, với các chính sách khen thưởng công bằng và khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới trong công việc.
- Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.
- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn, đánh giá HS.
- Khuyến khích và hỗ trợ giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến kinh nghiệm, và chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy.

8. Đầu tư cơ sở vật chất

Nhà trường huy động nguồn lực hỗ trợ CSVC cho nhà trường đúng quy định để đảm bảo việc tổ chức dạy học hiệu quả đáp ứng nhu cầu dạy - học của GV - HS thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Chủ động rà soát các điều kiện về CSVC, thiết bị dạy học sẵn có kết hợp với thiết bị dạy học mới để tổ chức dạy học

hiệu quả. Tăng cường sửa chữa, trang bị cơ sở vật chất (phòng lớp, bàn ghế, trang thiết bị dạy học, ...).

9. Công tác phổ cập giáo dục

Nhà trường phối hợp với Ban Chỉ đạo PCGD, XMC xã huy động 100% trẻ đến trường ngay từ đầu năm học. Tiếp tục tham mưu với các đơn vị có liên quan về giải pháp thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo các quy định của Chính phủ (Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT ban hành quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ); tăng cường công tác tập huấn, điều tra, nhập số liệu vào hệ thống, hoàn thiện, lưu trữ hồ sơ và thực hiện đúng quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trong đó tập trung chỉ đạo mức độ đạt chuẩn cần gắn liền với các điều kiện đảm bảo nhằm tạo nền tảng củng cố, nâng cao thực chất chất lượng

phổ cập giáo dục tiểu học, đảm bảo giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, xóa mù chữ mức 2. Hằng năm vẫn duy trì vững chắc các chỉ số về phổ cập giáo dục.

10. Công tác quản lý

- Triển khai tập huấn, hỗ trợ và động viên GV kịp thời cập nhật hệ thống phần mềm CSDL Ngành đảm bảo tiến độ.

- Đảm bảo công khai, công bằng, chính xác việc bình xét thi đua hàng năm trên cơ sở động viên nhằm phát huy năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể, cộng đồng trách nhiệm trong mọi công việc.

- Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra HĐSP của giáo viên. Tăng cường trật tự kỉ cương, nề nếp trong trường.

- Thường xuyên kiểm tra, thăm lớp dự giờ, quản lý chặt chẽ chất lượng giáo dục và việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, nội quy và quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Huy động sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể thông qua các hoạt động; có sơ tổng kết và tuyên dương, nhắc nhở kịp thời để rút kinh nghiệm.

- Đảm bảo chất lượng đại trà và mũi nhọn giáo viên và học sinh; nâng cao trình độ giáo viên, nhân viên.

- Không có cá nhân vi phạm kỷ luật, hay mắc tệ nạn xã hội.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2025-2026 của trường Tiểu học Noong Hẹt theo phụ lục 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (có hiệu lực thi hành từ ngày 19/7/2024)/.

Nơi nhận:

- UBND xã Thanh An
- Trang Websiste nhà trường;
- Lưu: VT.



Mạc Thị Phương Hảo

